

Số: /BC-UBND

Châu Thành, ngày tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016 - 2020)

(Trình tại Hội nghị tổng kết năm 2020, triển khai nhiệm vụ năm 2021)

Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn năm 2016-2020 trong bối cảnh tình hình thuận lợi đan xen với nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên với sự nỗ lực, phấn đấu của các ngành, địa phương, cùng với sự đồng tình, ủng hộ của cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân, nền kinh tế - xã hội trên địa bàn Huyện tiếp tục phát triển, là điều kiện quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội ở giai đoạn tiếp theo.

I. KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI *(có Phụ lục I kèm theo)*

1. Về phát triển kinh tế

1.1. Tái cơ cấu ngành nông nghiệp phát huy hiệu quả, đời sống người dân nông thôn có nhiều cải thiện

Tổng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2016-2020 ngành nông nghiệp, thủy sản đạt 3.856 tỷ đồng, bằng 99,05% kế hoạch.

Diện tích trồng lúa thực hiện đến năm 2020 là 30.450,45 ha, đạt 96,66% kế hoạch 2016-2020 (*giảm 3.253,45 ha so với năm 2015*); sản lượng 200.486 tấn, đạt 96,55% kế hoạch 2016-2020 (*giảm 24.554 tấn so với năm 2015*).

Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, người dân tiếp tục thực hiện chuyển đổi trồng lúa sang trồng hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày và chuyển đổi mạnh mẽ sang trồng cây ăn trái tại các vùng sản xuất có điều kiện. Diện tích hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày toàn Huyện đến năm 2020 là 5.071,1 ha, đạt 75,68% kế hoạch 2016-2020 (*giảm 963,7 ha so với năm 2015*). Diện tích vườn cây ăn trái đến năm 2020 là 7.408,19 ha, đạt 121,44% kế hoạch 2016-2020 (*tăng 1.005 ha so với năm 2015*). Các giải pháp sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn, hợp quy chuẩn đang được chú trọng triển khai; trong đó, ngành hàng nhãn tiếp tục tăng trưởng tốt và định hướng phát triển diện tích các vùng canh tác theo tiêu chuẩn GAP và truy xuất nguồn gốc.

Diện tích nuôi thủy sản đến năm 2020 là 1.100 ha, đạt 91,67% kế hoạch 2016-2020 (*tăng 2,09 ha so với năm 2015*). Trong đó, diện tích nuôi cá tra xuất khẩu 250 ha, sản lượng là 64.657 tấn, đạt 89,80% kế hoạch 2016-2020.

Huyện đã tập trung triển khai quảng bá các ngành hàng chủ lực của địa phương (*như: lúa gạo, nhãn, khoai lang, heo, cá tra*) gắn với việc khuyến khích nông dân sản xuất nông nghiệp kết hợp với khai thác du lịch sinh thái để phát triển

kinh tế. Tổ chức nhiều cuộc tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về kinh tế tập thể, liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn Huyện. Qua đó, đã nâng cao hơn nữa nhận thức trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và Nhân dân về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Chú trọng thúc đẩy tinh thần hợp tác trong Nhân dân, mô hình Hội quán được khởi xướng và nhân rộng trên toàn Huyện, dựa trên nền tảng tinh thần tự nguyện và nhu cầu của người dân, gắn với từng sản phẩm, ngành hàng đặc trưng của địa phương, đến nay đã có 12 Hội quán được thành lập khắp các xã, thị trấn.

Quan tâm củng cố, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác xã hoạt động. Tổng số hợp tác xã trên địa bàn Huyện là 18 HTX, với tổng số 993 thành viên, vốn điều lệ 6.215 triệu đồng (*trong đó: 15 HTX hoạt động theo lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp, 01 HTX Thủy sản, 01 HTX Vận tải thủy bộ, 01 HTX may*).

Tích cực vận động người dân xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế nông nghiệp gắn với áp dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Các hoạt động hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp tiếp tục được quan tâm triển khai thực hiện gắn với kế hoạch thực hiện chương trình mỗi xã 1 sản phẩm (OCOP) đã mang lại hiệu quả thiết thực. Đến nay, Huyện đã có 35 sản phẩm của 8 doanh nghiệp, cơ sở và HTX tham gia và được UBND Tỉnh công nhận sản phẩm đạt từ 3 đến 4 sao¹, đặc biệt có 3 sản phẩm có tiềm năng được UBND Tỉnh chọn tham gia đánh giá xếp hạng cấp Trung ương².

Xây dựng nông thôn mới đạt kết quả vượt bậc theo phương châm “dân bàn, dân làm, dân thụ hưởng”. Đến nay, Huyện đã có 09/11 xã được công nhận nông thôn mới; 02 xã (Hòa Tân và Tân Bình) hoàn thành 19/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đang chờ Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, công nhận.

1.2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp – xây dựng; thương mại – dịch vụ tiếp tục phát triển khá

Tổng giá trị sản xuất bình quân giai đoạn 2016-2020 ngành công nghiệp đạt 3.962 tỷ đồng, đạt 97,23%; ngành xây dựng đạt 551 tỷ đồng, đạt 105,56% kế hoạch.

Đầu tư xây dựng Cụm công nghiệp Tân Lập, xã Tân Nhuận Đông với tổng diện tích 50 ha. Đến nay, có 11 đơn vị đăng ký đầu tư³ và có 03 công ty đang làm thủ tục giao đất⁴.

¹ 14 sản phẩm đạt 4 sao; 21 sản phẩm đạt 3 sao.

² Sản phẩm: Bánh phồng chay cao cấp hạt sen; hạt sen sấy; Mít sấy.

³ Như: Công ty TNHH SX TMDV Gia Huy Đồng Tháp, Công ty TNHH SX TMDV Phong Phú Gold, Công ty TNHH Nguyễn Khanh, Công ty TNHH Giấy Trà Giang, Công ty TNHH MTV Nam Huy Đồng Tháp, Công ty TNHH MTV DREAM Mekong, Công ty TNHH xây dựng Đặng Nguyễn, Công ty TNHH HANSOLL Bông Sen Vina, Công ty TNHH Tỷ Xuân Chi nhánh Đồng Tháp, Công ty TNHH tư vấn thiết kế Kiến Quảng đăng ký đầu tư dự án Khu dân cư chợ Tân Bình và Khu dân cư chợ Kinh Mới, Công ty Cổ phần xây lắp và vật liệu xây dựng Đồng Tháp đầu tư Khu dân cư Thị trấn Cái Tàu Hạ - An Nhơn.

Tiêu thủ công nghiệp được duy trì và phát triển về quy mô và số lượng cơ sở. Các làng nghề truyền thống được khuyến khích đầu tư chuyển đổi công nghệ nhằm nâng cao năng suất, giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm và bảo vệ môi trường. Đặc biệt là hình thành ngành nghề chế biến các sản phẩm đạt chứng nhận chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đem lại giá trị gia tăng cho các sản phẩm nông nghiệp địa phương. Nhiều doanh nghiệp nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của việc đăng ký nhãn hiệu và tạo thương hiệu cho sản phẩm. Từ đó, nhiều sản phẩm hàng hóa chủ yếu của huyện được đăng ký nhãn hiệu, trong đó đã có nhiều nhãn hiệu đã và đang trở thành thương hiệu mạnh, đem lại hiệu quả sản xuất, kinh doanh tốt hơn. Huyện có 05 sản phẩm đạt chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh và 01 sản phẩm đạt chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực phía Nam.

Thương mại, dịch vụ được quan tâm phát triển. Hệ thống phân phối hàng hoá trên địa bàn Huyện ngày càng đa dạng với chuỗi các chợ truyền thống, các cửa hàng bách hóa tổng hợp được hình thành và phát triển rộng khắp đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của Nhân dân. Hoạt động giao thương ngoài Huyện được mở rộng, các sản phẩm nông sản chế biến từ nông sản được kết nối và phân phối vào các hệ thống bán lẻ trên cả nước và được xuất khẩu. Công tác quản lý thị trường được tăng cường thực hiện. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ bình quân giai đoạn 2016-2020 là 5.880 tỷ đồng, đạt 92,59% kế hoạch.

Tiềm năng du lịch được quan tâm khai thác; công tác truyền thông, quảng bá hình ảnh địa phương thông qua phát triển các điểm tham quan du lịch được quan tâm; tập trung chỉnh trang đô thị, xây dựng nông thôn mới; quan tâm đầu tư sửa chữa, duy tu hệ thống hạ tầng giao thông; hệ thống chiếu sáng công cộng. Các hoạt động dịch vụ tham quan du lịch được triển khai chu đáo thu hút khách du lịch đến tham quan tại các địa điểm tham quan vườn trái cây Thanh Hiền, Tám Sáng tại xã Tân Bình, Chín Phương tại xã Phú Hựu và Minh Trí tại xã Tân Nhuận Đông, quầy hàng trưng bày sản phẩm đặc trưng của huyện Châu Thành tại xã An Nhơn, Tân Bình.

1.3. Đầu tư phát triển được quan tâm thực hiện

Kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư thông qua các giải pháp tăng cường huy động nguồn lực xã hội gắn với đầu tư công; ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội đối với các khu vực trọng điểm về hạ tầng giao thông, đô thị, hạ tầng phục vụ tái cơ cấu công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, phát triển du lịch, phát triển nguồn nhân lực và an sinh xã hội.

Huyện triển khai từng bước các công trình trong danh mục đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn Huyện và thực hiện có hiệu quả việc khai thác các khu đất công (không có nhu cầu sử dụng) phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, tổ chức đấu giá giao đất hoặc cho thuê đất có thu tiền sử dụng đất, tạo

⁴ Công ty TNHH HANSOLL Bông Sen Vina với diện tích 12 ha; Công ty TNHH Giấy Trà Giang với diện tích là 6 ha; Công ty TNHH Tỳ Xuân Chi nhánh Đồng Tháp với diện tích là 12 ha.

nguồn vốn đầu tư phát triển. Tổng nguồn vốn được phân bổ chi đầu tư xây dựng trên địa bàn giai đoạn 2016-2020 là 885.050 triệu đồng; trong đó Tỉnh đầu tư trực tiếp là 297.191 triệu đồng, hỗ trợ có mục tiêu là 293.369 triệu đồng, vốn ngân sách Huyện quản lý là 294.490 triệu đồng.

Nguồn vốn đầu tư công được tập trung đầu tư cho các dự án, công trình quan trọng, có tính chiến lược, lan tỏa, tạo thêm năng lực mới cho kinh tế - xã hội phát triển, như các tuyến giao thông chính của huyện, xã; công trình mang ý nghĩa lịch sử và giáo dục truyền thống cách mạng; hạ tầng thương mại; hạ tầng công nghiệp phục vụ cụm công nghiệp và nhiều lĩnh vực quan trọng⁵.

Hệ thống điện lưới tiếp tục phát triển đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về điện năng phục vụ cho sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân. Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới Quốc gia ước đạt 99,98%.

Huyện đã quan tâm thực hiện khá tốt các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm huy động nguồn vốn đầu tư của xã hội để thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết; đồng thời trong các giai đoạn đầu tư Huyện đã chỉ đạo điều chỉnh kế hoạch đầu tư công, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong đầu tư.

Thu hút nguồn lực xã hội hoá có nhiều chuyên biến tích cực, đã huy động nguồn lực từ Nhân dân đầu tư vào lĩnh vực giao thông, các công trình xây dựng nông thôn mới. Qua 05 năm thực hiện đã huy động mạnh thường quân hỗ trợ, nhân dân đóng góp, ngân sách đầu tư xây dựng mới và sửa chữa hàng trăm cây cầu lớn nhỏ, các tuyến đường nông thôn, tuyến điện được xây dựng khang trang với tổng kinh phí hàng trăm tỷ đồng tạo bộ mặt phát triển rõ nét khu vực nông thôn và đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong và ngoài địa phương tham gia lưu thông, giao lưu trao đổi hàng hóa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của Huyện⁶.

1.4. Hoạt động thu, chi ngân sách được bảo đảm

Các năm qua kinh tế phát triển tạo điều kiện cho nguồn thu ngân sách của Huyện được đảm bảo trên cơ sở khai thác hợp lý các nguồn thu hiện có. Cuối năm

⁵ Hệ thống cầu Xèo Trầu, Xèo Lò và Xèo Dời, đường Sông Tiền, đường dẫn vào cầu Sông Dưa, đường Sông Dưa, đường Nha Môn – Phú Long, đoạn từ QL 80 đến rạch Ông Yên xã Tân Nhuận Đông, đường Tầm Vu (tuyến chính); công trình Bia phòng tuyến thị trấn Cái Tàu Hạ, công trình Nhà bia lưu niệm căn cứ Tỉnh ủy Vĩnh Long ở vùng chữ V, cụm công nghiệp Tân Lập, cơ sở hạ tầng, khai thác quỹ đất khu hành chính xã An Khánh, chợ Cái Tàu Hạ, chợ Tân Bình, chợ An Phú Thuận, An Hiệp.

⁶ Xã An Nhơn với tổng số tiền 13.051.041.000đ và 4.131 ngày công lao động; xã An Hiệp với tổng số tiền 17.061.566.000 đồng; xã Hòa Tân với số tiền 5.132.150.000đồng; xã Phú Hựu với số tiền là 12.964.799.000 đồng; xã Tân Nhuận Đông với số tiền là 14.336.060.000 đồng; thị trấn Cái Tàu Hạ với số tiền là 2.546.000.000đồng; xã Tân Phú Trung với tổng số tiền là 29.512.345.000 đồng, vận động Nhân dân đóng góp 14.601 ngày công lao động và hiến 5.013m² đất; xã An Phú Thuận tổng số tiền là 12.004.729.000 đồng; xã Tân Phú với tổng số tiền là 14.436.000.000 đồng; xã Phú Long với tổng số tiền là 22.139.000.000 đồng; xã An Khánh với tổng số tiền là: 18.365.000.000 đồng, xã Tân Bình tổng số tiền 17.328.087.066đ (hiến 7.478 m², trị giá 1.346.040.000 đồng) và 6.587 ngày công lao động...

2020, tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 là 3.406.059 triệu đồng⁷, trong đó thu ngân sách trên địa bàn đạt 585.975 triệu đồng⁸, vượt chỉ tiêu kế hoạch; tổng chi cân đối ngân sách địa phương đạt 3.255.429 triệu đồng⁹, tăng bình quân trên 10%/năm, trong đó chi đầu tư phát triển chiếm tỷ trọng từ 20% đến 30%/năm. Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước hàng năm thực hiện đúng theo trình tự, thời gian, định mức, tiêu chuẩn, chế độ theo quy định pháp luật, đảm bảo công khai, minh bạch.

2. Về thực hiện nhiệm vụ phát triển văn hóa – xã hội

2.1. Văn hóa, thông tin, thể thao

Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao, truyền thanh có nhiều tiến bộ, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương, góp phần tuyên truyền, giáo dục các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Công tác bảo tồn, xây dựng thiết chế văn hóa được đẩy mạnh gắn với xây dựng nông thôn mới. Phong trào ‘Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa’ tiếp tục được đẩy mạnh hàng năm đều tăng về số lượng và chất lượng. Phong trào thể dục, thể thao trên địa bàn Huyện được duy trì tổ chức thường xuyên và thông qua các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước đã thu hút đông đảo nhân dân đến tham gia.

Thực hiện giai đoạn 2016-2020: có 100% gia đình đạt chuẩn văn hoá, 100% ấp đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, 100% khóm đạt chuẩn văn minh đô thị, 100% thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, 100% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, 100% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn đơn vị văn hoá. Công tác thông tin tuyên truyền được tăng cường, cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ chính trị của huyện, đã chủ động ghi hình, đưa tin tuyên truyền về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, các nhiệm vụ chính trị của địa phương, hoạt động của lãnh đạo huyện, phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai.

2.2. An sinh xã hội, lao động – việc làm và giảm nghèo

Công tác an sinh xã hội luôn được cả hệ thống chính trị quan tâm thực hiện, nhất là các chính sách hỗ trợ, giải quyết trợ cấp cho người có công, các đối tượng chính sách, các đối tượng bảo trợ xã hội được thực hiện thường xuyên, kịp thời, đúng quy định. Các chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm được quan tâm triển khai có hiệu quả. Kết quả, qua hơn 5 năm UBND Huyện đã tích cực triển khai tất cả các hoạt động hỗ trợ việc làm cho người lao động ở địa phương, thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã

⁷ Năm 2016: 533.523 triệu đồng; năm 2017: 507.805 triệu đồng; năm 2018: 735.442 triệu đồng; năm 2019: 872.483 triệu đồng; ước năm 2020: 756.806 triệu đồng.

⁸ năm 2016: 94.841; năm 2017: 89.026 triệu đồng; năm 2018: 154.509 triệu đồng; năm 2019: 121.629 triệu đồng; ước năm 2020: 125.970 triệu đồng.

⁹ Năm 2016: 522.106 triệu đồng; năm 2017: 486.286 triệu đồng; năm 2018: 693.999 triệu đồng; năm 2019: 823.392 triệu đồng; ước năm 2020: 729.646 triệu đồng.

hội của Huyện, thường xuyên tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động ở khóm, ấp, đã giải quyết việc làm cho 25.313/25.000 lao động, đạt 101,25% chỉ tiêu. Trong đó: giải quyết việc làm trong và ngoài tỉnh là 24.781 lao động và 532 lao động tham gia đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng. Công tác đào tạo nghề được quan tâm và thực hiện thường xuyên, liên tục. Tổ chức tuyên truyền, mở được 151 lớp dạy nghề, đạt 125,83% chỉ tiêu, tổng số 3.462 học viên dự học. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2020 đạt 66,24%, đạt 100% kế hoạch, đào tạo nghề đạt 47,67%. Công tác giảm nghèo: từ đầu giai đoạn tổng số hộ nghèo toàn Huyện là 2.492 hộ, tỉ lệ 6,33%, đến nay số hộ nghèo giảm còn 581 hộ, chiếm tỉ lệ 1,44%. Đến cuối năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo của Huyện còn 1,14%.

2.3. Dân số và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Công tác y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình được quan tâm thực hiện, nhất là các chương trình mục tiêu quốc gia. Chủ động triển khai chiến dịch quốc gia phòng, chống bệnh tay - chân - miệng; thực hiện hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Huyện. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã và các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, dân số, kế hoạch hóa gia đình. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền các quy định của pháp luật và kiến thức về bảo đảm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm cho các đối tượng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả cộng đồng trong việc bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Các chỉ tiêu về công tác y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình đều đạt kế hoạch đề ra. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93,08% (kế hoạch 80%).

2.4. Giáo dục và đào tạo

Giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển; hệ thống trường lớp được đầu tư ngày càng hoàn thiện, trang thiết bị, đồ dùng dạy học được tăng cường; đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục từng bước được chuẩn hóa đúng qui định; tỷ lệ huy động học sinh đến lớp ngày càng cao, chất lượng học tập không ngừng được nâng lên, kết quả xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi được củng cố, duy trì; công tác chống tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục phát huy hiệu quả tích cực; công tác xã hội hóa giáo dục đạt được nhiều kết quả, ngân sách dành cho Ngành giáo dục được quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp gắn với mời gọi xã hội hóa, giúp tăng thêm về quy mô và chất lượng giáo dục, đào tạo, dạy nghề, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Huyện. Kết quả, kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông quốc gia hàng năm được tổ chức tốt, chất lượng giáo dục phổ thông tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT hàng năm cao hơn mặt bằng chung của Tỉnh; việc huy động học sinh ở các bậc học đều đạt kế hoạch đề ra. Đến nay, toàn huyện có 22 trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia¹⁰.

¹⁰ Mẫu giáo: Mầm non Hoa Hồng, Mẫu giáo An Khánh, Mẫu giáo Tân Bình, Mẫu giáo An Phú Thuận, Mẫu giáo Nha Môn; Tiểu học: Cái Tàu Hạ 1, Cái Tàu Hạ 2, Nha Môn 1, An Phú Thuận 2, Tân Xuân, An Khánh 2, Nha Môn 2,

Chất lượng nguồn nhân lực có nhiều tiến bộ; đội ngũ cán bộ, công chức được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng lãnh đạo, quản lý; tỷ lệ cán bộ, công chức đạt chuẩn về trình độ ngày càng tăng. Lao động nông thôn được quan tâm đào tạo tập trung vào những ngành nghề có nhu cầu, phục vụ tốt cho yêu cầu việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn.

2.5. Áp dụng khoa học – công nghệ, bảo vệ môi trường

Hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ đã có những bước tiến mới, nhất là trong lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, cơ giới hoá nông nghiệp theo hướng hiệu quả và bền vững, hỗ trợ nông dân làm chủ dần công nghệ tiên tiến, thay đổi dần tập quán sản xuất truyền thống. Nhiều đề tài, dự án khoa học được nghiên cứu, ứng dụng vào thực tiễn mang lại kết quả thiết thực.

Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa các ngành chuyên môn và địa phương trong công tác đưa tiến bộ khoa học - công nghệ vào phục vụ phát triển sản xuất. Thông qua các tổ chức khuyến nông, khuyến công và các phương tiện thông tin đại chúng đưa thông tin khoa học - công nghệ đến địa bàn nông thôn.

Công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường được quan tâm thực hiện, từng bước nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng. Triển khai kịp thời các biện pháp trước mắt và lâu dài nhằm ứng phó có hiệu quả với tình huống tác động xấu đến sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân; bảo vệ và khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường nhất là trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, làng nghề, khu dân cư; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; thực hiện các giải pháp ứng phó tình hình sạt lở bờ sông, cung cấp nước sạch, thu gom, xử lý rác thải. Tăng cường công tác tuyên truyền và quản lý nhà nước về tài nguyên bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi của khí hậu. Ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

3. Về cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Công tác cải cách hành chính được quan tâm, có nhiều chuyển biến tích cực gắn với cải thiện mạnh mẽ chỉ số cải cách hành chính cấp huyện. Hàng năm, không ngừng nâng cao chất lượng và cải thiện đối với các chỉ số thành phần còn đạt thấp, hướng tới mục tiêu xây dựng hệ thống chính quyền năng động, hoạt động hiệu quả, luôn đồng hành cùng người dân và doanh nghiệp. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, từ đó, góp phần tạo chuyển biến mạnh mẽ, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, thực hiện nghiêm kỷ luật công vụ, đổi mới phong cách làm việc hiệu quả, nhiều cơ quan, đơn vị xây dựng và thực hiện Bộ quy tắc ứng xử. Triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm gắn với thực hiện lộ trình tinh giản biên chế của từng cơ quan, đơn

vi. Kiện toàn tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, nhiều đơn vị sự nghiệp công lập được sắp xếp tinh gọn, giúp hoạt động hiệu quả hơn. Công tác thi đua - khen thưởng được quan tâm, thực hiện kịp thời.

Phối hợp triển khai hiệu quả một số phần việc thuộc hệ thống chính quyền điện tử, nhất là triển khai tốt các ứng dụng về: Phần mềm theo dõi, giao nhiệm vụ; phần mềm quản lý văn bản điện tử gắn với chữ ký số; phần mềm một cửa điện tử tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện và xã; mở rộng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4. Hoạt động quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 trong cơ quan hành chính nhà nước.

Công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí¹¹, được các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện với quyết tâm cao, có kế hoạch thực hiện cụ thể, gắn kết chặt chẽ với nội dung “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, cùng với sự tham gia giám sát của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, đã nâng cao nhận thức và nêu cao vai trò của người đứng đầu cơ quan, đưa công tác này đi vào chiều sâu. Việc tiếp nhận, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo được các cấp, các ngành quan tâm thực hiện đúng quy định¹².

4. Về quốc phòng, an ninh

Tình hình an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội luôn được đảm bảo. Thực hiện tốt công tác trực sẵn sàng chiến đấu, nắm chắc tình hình, đối tượng trên địa bàn, chủ động thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, phối hợp, hiệp đồng nhịp nhàng bảo vệ an toàn và đảm bảo an ninh, trật tự trên địa bàn huyện.

Thực hiện tốt công tác tuyển quân hàng năm, kết quả đều đạt 100% chỉ tiêu trên giao; thực hiện tốt công tác xây dựng và huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên theo quy định.

¹¹ Trong kỳ đã triển khai 23 Đoàn Thanh tra theo kế hoạch hàng năm, 4 Đoàn Thanh tra đột xuất. Qua thanh tra đã phát hiện sai phạm với số tiền 2.833.478.474 đồng; kiến nghị thu hồi và đã thu hồi nợ ngân sách với số tiền 1.174.413.474 đồng; kiến nghị khắc phục sửa chữa sai phạm trong công tác đầu tư xây dựng cơ bản với số tiền 537.487.000 đồng; kiến nghị khởi kiện Tòa án với số tiền 900.065.000 đồng; kiến nghị xử lý hành chính 08 cá nhân, kiểm điểm 10 tập thể, 56 cá nhân và 138 kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, chuyển cơ quan Điều tra 01 vụ, 02 cá nhân.

¹² - Công tác tiếp dân: Tổ chức tiếp được 4.259 lượt người đến phản ánh, kiến nghị những vấn đề có liên quan đến khiếu nại, tố cáo; Trong đó, Chủ tịch UBND Huyện tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với công dân 334 trường hợp trước khi UBND Huyện ban hành quyết định giải quyết; tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện tiếp 2.279 lượt người; Thanh tra Huyện tiếp 186 lượt người và Phòng Tài nguyên-Môi trường Huyện tiếp 331 lượt người, UBND xã, thị trấn tiếp 1.129 lượt người.

- Công tác giải quyết khiếu nại, kiến nghị, phản ánh: Công tác giải quyết khiếu nại, kiến nghị, phản ánh: Đơn tồn đầu kỳ 36 đơn, phát sinh trong kỳ 1.493 đơn, tổng cộng đơn thuộc thẩm quyền 1.529 đơn; đã giải quyết 1.493/1.529 đơn, đạt 97,65%; còn tồn 73 đơn: cấp Huyện tồn 73 đơn (liên quan cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 9 đơn và bồi thường 64 đơn).

- Công tác giải quyết tố cáo: Trong kỳ, toàn Huyện nhận 28 đơn tố cáo thuộc thẩm quyền. Đã giải quyết 28/28 đơn, đạt 100%. Nội dung tố cáo một số cán bộ chủ chốt ở cấp cơ sở trong việc thực thi công vụ và vấn đề đạo đức, lối sống của một số cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức trong khi thực thi công vụ khi công dân khiếu nại không được lợi sẽ quay sang tố cáo. Tỷ lệ tố cáo đúng 5%; tố cáo sai 75%; có đúng, có sai 20%. Qua xử lý tố cáo, phần lớn là tố cáo sai, đã giao về địa phương công khai hoá trước dân đối với các đối tượng tố cáo sai sự thật.

Công tác tấn công, trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội luôn được quan tâm chỉ đạo nên tình hình trật tự, an toàn xã hội được kiểm soát; tỷ lệ điều tra, khám phá án về trật tự xã hội hàng năm đạt từ 75,7% trở lên.

II- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt làm được

Qua 05 năm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, có 22/30 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch đề ra, các chỉ tiêu còn lại đa số đạt trên 90% kế hoạch; sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thương mại, dịch vụ chuyển biến tích cực; nông nghiệp, nông thôn tiếp tục phát triển theo chiều sâu, tăng giá trị trên đơn vị diện tích.

Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư và phát huy hiệu quả, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới. Văn hoá - xã hội có tiến bộ, các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, dân số, kế hoạch hoá gia đình, xây dựng đời sống văn hóa, thể dục thể thao tiếp tục phát triển; công tác giảm nghèo, an sinh xã hội được quan tâm, chất lượng đời sống người dân không ngừng được cải thiện. Quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Cải cách hành chính, phòng chống tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ngày càng được nâng lên.

Nguyên nhân đạt được kết quả trên là do: Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát của cấp trên; sự phấn đấu nỗ lực của các cơ quan phòng, ban, ngành huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn; sự đồng thuận của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

2. Hạn chế, yếu kém

- Sản xuất nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do thời tiết diễn biến phức tạp, tình hình dịch bệnh diễn ra thường xuyên, diễn biến khó lường và nguy cơ tái phát cao. Việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật, nhất là ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp còn hạn chế. Liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản còn nhiều khó khăn. Sức cạnh tranh một số sản phẩm hàng hóa chủ lực của huyện còn thấp.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại và dịch vụ có tăng trưởng so với cùng kỳ nhưng chưa xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện, chưa phát triển nhiều các sản phẩm công nghiệp chế biến có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao, nhất là các sản phẩm công nghiệp chế biến các mặt hàng chủ lực trong thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Công tác quy hoạch còn chậm; kết cấu hạ tầng đầu tư chưa được đồng bộ; vốn ngân sách nhà nước huyện chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển ngày càng tăng cao.

- Công tác quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm, môi trường còn gặp nhiều khó khăn, chưa xử lý dứt điểm tình trạng sử dụng các chất cấm trong bảo quản, chế biến thực phẩm; các cơ sở sản xuất, kinh doanh hệ thống xử lý chất thải còn lạc hậu; tình trạng rác thải, chất thải trong sản xuất, sinh hoạt làm ảnh hưởng môi trường xung quanh vẫn còn xảy ra.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh nhưng chưa thật sự vững chắc, nguy cơ tái nghèo có thể gia tăng khi có biến cố xảy ra như: thiên tai, dịch bệnh.

- Cơ sở vật chất tuy có đầu tư xây dựng khang trang hơn nhưng chưa đáp ứng yêu cầu giáo dục toàn diện như: phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng chức năng còn thiếu; trang thiết bị, đồ dùng dạy học và cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu.

- Tình hình tranh chấp, khiếu nại nhiều người có lúc, có nơi còn xảy ra; một số vụ việc cũ, đã giải quyết đúng quy định nhưng người dân vẫn khiếu nại kéo dài, gửi đơn khiếu nại vượt cấp nhiều nơi; một số loại tội phạm, tệ nạn xã hội, thanh, thiếu niên vi phạm pháp luật vẫn còn ở mức cao.

3. Nguyên nhân

3.1. Về chủ quan

Một số cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu, đề xuất có lúc còn chậm. Chưa có sự linh hoạt, sáng tạo và quyết liệt của người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị trong chỉ đạo, điều hành, tham mưu quản lý nhà nước và thực hiện giải quyết công việc, còn trông chờ chỉ đạo của cấp trên.

Công tác phối hợp giữa một số ngành, địa phương có lúc, có mặt chưa chặt chẽ. Thủ trưởng một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời.

3.2. Về khách quan

Tình hình biến đổi khí hậu, dịch bệnh diễn biến phức tạp (như mưa bão, đông lốc, dịch tả heo Châu Phi, dịch bệnh Covid – 19...), đã tác động ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh, đời sống của nhân dân và ảnh hưởng đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương./.

Nơi nhận:

- UBND Tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh;
- Cục Thống kê Tỉnh;
- TT. HU, TT. HĐND Huyện;
- CT, các PCT.UBND Huyện;
- Các phòng, ban, ngành Huyện;
- Chi cục Thống kê Huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các chuyên viên nghiên cứu;
- Lưu: VT, NC-TH(Đ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Tấn Xiếu

Phụ lục I
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 5 NĂM (2016-2020)

(Kèm theo *Báo cáo số* /BC-UBND ngày /12/2020 của UBND Huyện)

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016-2020	Ước Thực hiện giai đoạn 2016 - 2020		So với KH (Vượt, Đạt, không đạt)
				Thực hiện	Tỷ lệ %	
1	- Giá trị sản xuất (giá cố định năm 2010)	tỷ đồng	8.490	7.938,8	93,51	Không đạt
	<i>Khu vực nông - lâm- thủy sản</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>3.893</i>	<i>3.856</i>	<i>99,05</i>	<i>Không đạt</i>
	<i>Khu vực công nghiệp</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>4.075</i>	<i>3.962</i>	<i>97,23</i>	<i>Không đạt</i>
	<i>Khu vực xây dựng</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>522</i>	<i>551</i>	<i>105,56</i>	<i>Vượt</i>
2	Diện tích gieo trồng hàng năm	ha	38.200	35.521,1	92,9	Không đạt
3	Diện tích trồng lúa	ha	31.500	30.450	96,67	Không đạt
4	Diện tích trồng màu	ha	6.700	5.071,1	75,68	Không đạt
5	Sản lượng lúa ổn định	tấn	207.650	200.486	96,55	Không đạt
6	Diện tích vườn cây ăn trái	ha	6.100	7.408,19	121,44	Vượt
7	Diện tích nuôi trồng thủy sản	ha	1.200	1.100	91,67	Không đạt
8	Tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia	%	99,99	99,98	99,99	Không đạt
9	Tỷ lệ hộ nghèo	%	3,17	1,14		Vượt
10	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	66,24	66,24	100	Đạt
11	Tỷ lệ dân tham gia bảo hiểm y tế	%	80	93,08	116	Vượt
12	Số lao động được tạo việc làm	người/ năm	25.000	25.313	101,25	Vượt
13	Số bác sĩ/ vạn dân	bác sĩ	4	4	100	Đạt
14	Số giường bệnh/vạn dân	giường	8,4	9,8	117	Vượt
15	Tỷ lệ hộ đạt gia đình văn hoá hằng năm	%	90	90	100	Đạt
16	Tỷ lệ ấp văn hoá	%	90	90	100	Đạt
17	Tỷ lệ đơn vị văn hoá	%	95	95	100	Đạt
18	Tỷ lệ xã văn hoá tăng thêm	%	50	50	100	Đạt
19	Tỷ lệ dân số thường xuyên luyện tập TDTT	%	37	37	100	Đạt

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2016-2020	Ước Thực hiện giai đoạn 2016 - 2020		So với KH (Vượt, Đạt, không đạt)
				Thực hiện	Tỷ lệ %	
20	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới	xã	8	11	138	Vượt
21	Các xã còn lại cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới	%	100	100	100	Đạt
22	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch	%	99,8	99,8	100	Đạt
23	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%	<1	< 1	đạt	Đạt
24	Tỷ lệ rác thải đô thị được thu gom	%	98,5	98,5	100	Đạt
25	Trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	<13	< 14	Không đạt	Không đạt
26	Trẻ em từ 05 tuổi (đủ điều kiện) vào mẫu giáo	%	99	100	101	Vượt
27	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi (đủ điều kiện) vào lớp 01	%	99,9	99,99	100,1	Vượt
28	Số trường đạt chuẩn Quốc gia	trường	6	8	133	Vượt
29	Xây dựng lực lượng, tuyển quân, phát triển đảng trong lực lượng hàng năm đạt chỉ tiêu trên giao	%	100	100	100	Đạt
30	Tỷ lệ điều tra, phá án hàng năm	%	$\geq 75\%$	75,7	đạt	Đạt